

Tăng tỷ trọng (từ Năm giữ)

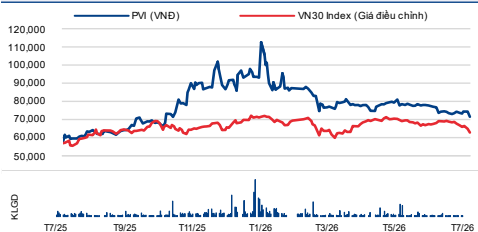
Giá mục tiêu: VNĐ79,200 (giữ nguyên)

Tiềm năng tăng/giảm: 10.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/7/2026)	71,500
Mã Bloomberg	PVI VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	58,939-112,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	73,300
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	16,748
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	636
Slg CP lưu hành (tr.đv)	234
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	234
Slg CP NN được mua (tr.đv)	101
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	56.8%
Tỷ lệ freefloat	8.29%
Cổ đông lớn	HDI , related parties (55.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Giá cổ phiếu (%)	-1 thg	-3 thg	-12 thg
Cổ phiếu thường	(6.78)	(6.90)	25.6
So với chỉ số	1.04	3.22	13.8
So với ngành	-	-	-

Nguồn: Công ty, FactSet

HSC và trung bình thị trường

EPS ĐC (đồng)	HSC	Thị trường	% ch.lệch
2026F	6,227	6,157	1.1
2027F	6,817	6,723	1.4
2028F	7,493	7,434	0.8

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

PVI là công ty bảo hiểm phi nhân thọ số 1 tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nâng khuyến nghị lên Tăng tỷ trọng trên cơ sở định giá; LNTT Q2 sát với dự báo

- HSC nâng khuyến nghị cho PVI từ Năm giữ lên Tăng tỷ trọng sau khi giá cổ phiếu điều chỉnh gần đây. Cổ phiếu đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm hấp dẫn là 1,7 lần, thấp hơn đáng kể so với mức đỉnh gần đây là 2,9 lần. Chúng tôi tạm thời giữ nguyên giá mục tiêu và dự báo.
- LNTT Q2/2026 đạt 535 tỷ đồng, tăng 3,3% so với cùng kỳ; theo đó LNTT nửa đầu năm 2026 đạt 1.240 tỷ đồng, tăng 62,3% so với cùng kỳ, hoàn thành 62% dự báo cả năm 2026 và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi. Tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm cao hơn dự báo đã bù đắp cho thu nhập đầu tư không đạt kỳ vọng.
- Đáng chú ý, tăng trưởng phí bảo hiểm gộp tăng tốc lên 18,6% so với cùng kỳ trong Q2/2026 (so với tăng 9,1% trong Q1/2026), trong khi tỷ lệ kết hợp duy trì ở mức lành mạnh 88% (so với bình quân 5 năm là 92%). Lợi suất đầu tư cải thiện 30 điểm cơ bản so với quý trước lên 6,2%.

Sự kiện: Nâng khuyến nghị lên Tăng tỷ trọng trên cơ sở định giá

Sau khi giá cổ phiếu giảm 7% trong 1 tháng qua, PVI đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm hấp dẫn hơn ở mức 1,7 lần, thấp hơn đáng kể so với mức đỉnh vào đầu năm nay là 2,9 lần. Trên cơ sở đó, cùng với lợi nhuận và nền tảng cơ bản nửa đầu năm 2026 cũng sát với kỳ vọng, HSC nâng khuyến nghị PVI từ Năm giữ lên Tăng tỷ trọng. Chúng tôi giữ nguyên giá mục tiêu và dự báo (Mời xem: [Ngành Bảo hiểm: Dư địa dồi dào, triển vọng khởi sắc](#)).

Công bố KQKD Q2/2026

PVI đã công bố LNTT Q2/2026 đạt 535 tỷ đồng, tăng 3,3% so với cùng kỳ, tương đương LNTT nửa đầu năm 2026 đạt 1.240 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ, hoàn thành 62% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi. Tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm vượt kỳ vọng đã bù đắp cho thu nhập đầu tư thấp hơn một chút so với kỳ vọng.

Doanh thu tăng tốc trong Q2/2026

Phí bảo hiểm gộp tăng 18,6% so với cùng kỳ, so với mức tăng 9,1% trong Q1/2026, nhờ phí bảo hiểm gốc trong nước tăng trưởng mạnh. Tổng phí bảo hiểm gốc tăng 20% so với cùng kỳ trong Q2/2026, tương đương tăng trưởng nửa đầu năm 2026 đạt 12,5%, thấp hơn một chút so với bình quân ngành khoảng 13,5%. Phí tái bảo hiểm tăng 16,7% so với cùng kỳ trong Q2/2026 và tăng 15,8% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2026, nhìn chung sát với kỳ vọng của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/7.

(Xem tiếp trang 2)

Cuối năm: Tháng 12	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Phí BH gốc (tỷ đồng)	13,368	14,908	16,562	18,769	21,172
Lãi/lỗ gộp HĐ BH (tỷ đồng)	852	1,245	1,713	1,792	2,001
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	855	1,103	1,527	1,630	1,791
EPS (đồng)	3,648	4,708	6,521	6,957	7,646
DPS (đồng)	3,200	3,150	2,300	3,114	3,409
BVPS (đồng)	33,445	34,938	38,818	42,522	46,606
P/E (lần)	19.6	15.2	11.0	10.3	9.35
Lợi suất cổ tức (%)	4.48	4.41	3.22	4.35	4.77
P/B (lần)	2.14	2.05	1.84	1.68	1.53
Tăng trưởng EPS (%)	(10.6)	29.1	38.5	6.68	9.92
ROAE (%)	11.0	13.8	17.7	17.1	17.2

Ghi chú: Dấu ▲ ▼ thể hiện mức tăng giảm ít nhất 5%.
Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Áp lực cạnh tranh từ các công ty bảo hiểm hàng đầu đã gia tăng, tạo lực cản cho tăng trưởng phí bảo hiểm trong nước, do PVI lựa chọn không tham gia cạnh tranh về giá. Trong khi đó, tăng trưởng doanh thu tái bảo hiểm giảm tốc theo đúng kế hoạch khi Công ty đang đánh giá lại rủi ro bảo hiểm để nâng tỷ lệ giữ lại. Từ đó, doanh thu phí bảo hiểm tăng 23% so với cùng kỳ trong Q2/2026 và tăng 21% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2026, nhanh hơn tốc độ tăng của phí bảo hiểm gộp.

Nhìn chung, tăng trưởng doanh thu sát với kỳ vọng của chúng tôi.

Lợi nhuận mảng bảo hiểm vượt kỳ vọng

Lợi nhuận mảng bảo hiểm (sau chi phí bán hàng và quản lý) đạt 268 tỷ đồng trong Q2/2026 (tăng 1,4% so với cùng kỳ) và 672 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2026 (tăng gần 60% so với cùng kỳ). Tỷ lệ kết hợp chỉ ở mức 85% trong nửa đầu năm 2026, mức thấp nhất trong 5 năm qua, một phần nhờ tác động một lần từ thay đổi phương pháp hạch toán kế toán trong Q1/2026. Nếu loại trừ tác động này và chỉ tính riêng Q2/2026, tỷ lệ kết hợp ở mức 88%, so với bình quân 5 năm trong Q2 là 92%, vẫn rất ấn tượng.

Chúng tôi cho rằng kết quả này là nhờ hoạt động bảo hiểm kỷ luật hơn trong những năm gần đây, cùng với thị trường thuận lợi và yếu tố mùa vụ khi không có sự kiện 'tổn thất lớn' nào xảy ra trong nửa đầu năm 2026. Nhìn chung, tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm cao hơn giả định của chúng tôi.

Lợi suất đầu tư thấp hơn một chút so với dự báo

Thu nhập đầu tư chỉ tăng 4,4% so với cùng kỳ trong Q2/2026 và tăng 4,7% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2026, trong khi tổng tiền mặt & tài sản đầu tư tăng 12% so với cùng kỳ. Lợi suất đầu tư gộp cải thiện 27 điểm cơ bản so với quý trước lên 6,2% nhưng vẫn giảm 60 điểm cơ bản so với cùng kỳ và thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi.

Chúng tôi cho rằng lợi suất đầu tư không đạt kỳ vọng do thời điểm ghi nhận lợi nhuận từ các khoản đầu tư cổ phiếu cấu trúc. Chúng tôi đã kỳ vọng Công ty ghi nhận một phần lợi nhuận vào cuối Q2/2026; tuy nhiên, kết quả công bố không ghi nhận khoản mục này. Công ty hiện chưa cung cấp thông tin về thời điểm ghi nhận khoản thu nhập này.

Tỷ trọng phân bổ tài sản nhìn chung ổn định với 74% tiền mặt & tiền gửi, 14% trái phiếu và 12% cổ phiếu cấu trúc.

Bảng 1: KQKD Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026, PVI

Lợi nhuận thuần sát với kỳ vọng của chúng tôi

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Tổng phí bảo hiểm gốc	3,588	4,321	20.4%	8,021	9,020	12.5%	54.5%
Phí nhận tái bảo hiểm	3,297	3,847	16.7%	5,811	6,730	15.8%	52.6%
Tổng phí bảo hiểm	6,885	8,168	18.6%	13,832	15,751	13.9%	53.6%
Doanh thu phí bảo hiểm	1,949	2,403	23.3%	3,759	4,556	21.2%	48.5%
Tổng doanh thu mảng bảo hiểm	2,265	2,934	29.5%	4,396	5,649	28.5%	48.6%
Lợi nhuận gộp mảng bảo hiểm	445	483	8.6%	794	1,110	39.7%	64.8%
Lợi nhuận mảng bảo hiểm (bao gồm chi phí BH&QL)	264	268	1.4%	423	672	58.9%	102.3%
Thu nhập từ đầu tư	241	252	4.4%	470	492	4.7%	40.5%
LNTT	517	535	3.3%	941	1,240	31.8%	62.3%
Các chỉ số quan trọng							
Tỷ lệ tổn thất	35.9%	37.4%	1.5 điểm %	40.5%	38.2%	-2.4 điểm %	42.7%
Tỷ lệ chi phí	50.5%	51.4%	0.9 điểm %	48.2%	47.1%	-1.1 điểm %	50.3%
Tỷ lệ kết hợp	86.4%	88.8%	2.4 điểm %	88.7%	85.2%	-3.5 điểm %	93.0%
Lợi suất đầu tư	5.5%	5.0%	-0.5 điểm %	5.7%	5.2%	-0.5 điểm %	6.1%

Nguồn: PVI

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Phí bảo hiểm gốc	13,368	14,908	16,562	18,769	21,172
Phí nhận tái BH	5,741	10,499	12,807	15,369	17,674
Tăng/giảm dự phòng phí chưa được hưởng	(2,184)	(1,955)	(1,560)	(1,641)	(1,814)
Doanh thu phí BH	16,925	23,453	27,809	32,497	37,032
Phí nhượng tái BH	(10,472)	(15,819)	(18,421)	(21,454)	(24,582)
Doanh thu phí BH thuần	6,453	7,634	9,387	11,043	12,451
Doanh thu khác	1,090	1,707	2,245	2,342	2,649
Doanh thu thuần HĐ BH	7,543	9,341	11,633	13,385	15,100
Chi bồi thường bảo hiểm và dự phòng	(2,872)	(3,287)	(4,004)	(4,638)	(5,229)
Chi b.thường BH và chi trả đ.hạn khác (ròng)	(3,819)	(4,810)	(5,916)	(6,954)	(7,869)
Khoản giảm trừ chi phí, thu đòi và thu khác	0	0	0	0	0
Tổng chi phí trực tiếp HĐ BH	(6,691)	(8,097)	(9,920)	(11,592)	(13,099)
Lãi/lỗ gộp HĐ BH	852	1,245	1,713	1,792	2,001
Chi phí quản lý	(718)	(836)	(1,056)	(1,126)	(1,245)
Lợi nhuận HĐ tài chính	884	918	1,186	1,303	1,418
LN trong Cty LD, LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	115	133	146	142	146
LNTT	1,133	1,460	1,989	2,111	2,320
Chi phí thuế TNDN	(242)	(308)	(414)	(422)	(464)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(36.8)	(49.2)	(47.3)	(59.1)	(65.0)
Lợi nhuận thuần	855	1,103	1,527	1,630	1,791
EPS (đồng)	3,648	4,708	6,521	6,957	7,646
DPS (đồng)	3,200	3,150	2,300	3,114	3,409
BVPS (đồng)	33,445	34,938	38,818	42,522	46,606
Sig CP bình quân (triệu đv)	234	234	234	234	234
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	234	234	234	234	234
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	234	234	234	234	234

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng phí BH gốc (%)	21.5	11.5	11.1	13.3	12.8
Tăng trưởng doanh thu phí BH thuần (%)	14.9	18.3	23.0	17.6	12.7
Tăng/giảm dự phòng bồi thường và dự phòng (%)	19.2	14.4	21.8	15.8	12.7
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ tài chính (%)	(5.23)	3.92	29.1	9.90	8.81
Tăng trưởng LNTT (%)	(8.97)	28.8	36.3	6.13	9.92
Tăng trưởng lợi nhuận thuần (%)	(10.6)	29.1	38.5	6.68	9.92
Tăng trưởng tổng tài sản (%)	18.0	40.0	9.93	10.3	10.1
Định giá					
P/E (lần)	19.6	15.2	11.0	10.3	9.35
P/B (lần)	2.14	2.05	1.84	1.68	1.53
Lợi suất cổ tức (%)	4.48	4.41	3.22	4.35	4.77

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	389	1,013	1,175	1,366	1,554
Đầu tư ngắn hạn	9,642	13,359	15,920	17,172	18,837
Phải thu ngắn hạn	2,642	2,780	2,966	4,779	5,439
Hàng tồn kho	2.98	1.00	0.97	0.97	0.97
Tài sản tài BH	12,405	21,614	21,328	23,658	25,953
Tài sản ngắn hạn khác	818	1,238	1,674	1,707	1,942
Tổng tài sản ngắn hạn	25,899	40,005	43,064	48,682	53,726
Phải thu dài hạn	35.3	33.8	35.2	34.1	38.8
Tài sản cố định	1,083	1,036	1,004	1,004	1,004
Đầu tư vào Cty LD, LK	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn khác	4,688	3,349	4,742	4,160	4,563
Tài sản dài hạn khác	89.5	87.5	88.1	102	117
Tổng tài sản dài hạn	5,896	4,507	5,869	5,300	5,722
Tổng tài sản	31,795	44,512	48,933	53,982	59,448
Nợ phải trả và VCSH					
Phải trả người bán	4,784	5,870	7,768	9,130	10,347
Phải trả người lao động	306	583	441	478	544
Phải trả hợp đồng repo	0	0	0	0	0
Doanh thu chưa thực hiện	31.4	150	213	252	284
Nợ ngắn hạn	200	539	1,445	1,445	1,445
Phải trả ngắn hạn khác	109	66.0	117	102	117
Nợ ngắn hạn khác	263	282	441	410	466
Tổng nợ ngắn hạn	5,692	7,491	10,425	11,817	13,203
Dự phòng nghiệp vụ BH	17,801	28,417	28,966	31,740	34,847
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	108	69.7	88.1	102	117
Tổng nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	23,601	35,978	39,479	43,659	48,166
Vốn điều lệ	2,342	2,342	2,577	2,577	2,577
Thặng dư vốn cổ phần	3,717	3,717	3,717	3,717	3,717
Quỹ & quỹ dự trữ	576	629	693	754	820
Lợi nhuận giữ lại	1,200	1,496	2,106	2,913	3,804
Vốn chủ sở hữu	7,834	8,184	9,093	9,960	10,917
Lợi ích cổ đông thiểu số	360	350	361	362	364
Tổng vốn chủ sở hữu	8,194	8,534	9,454	10,323	11,282
Tổng nợ phải trả và VCSH	31,795	44,512	48,933	53,982	59,448

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	2.91	2.89	3.27	3.17	3.16
ROAE (%)	11.0	13.8	17.7	17.1	17.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	87.7	66.9	35.3	44.8	44.6
Chỉ số an toàn vốn					
VCSH/Tài sản (%)	24.6	18.4	18.6	18.5	18.4
Tài sản BQ/VCSH BQ (x)	3.76	4.76	5.41	5.40	5.43
Chỉ số HKKD bảo hiểm					
Tỷ lệ tái bảo hiểm (%)	61.9	67.4	66.2	66.0	66.4
Tỷ lệ bảo hiểm giữ lại (%)	38.1	32.6	33.8	34.0	33.6
Tỷ lệ bồi thường (%)	38.1	35.2	34.4	34.7	34.6
Tỷ lệ chi phí (%)	60.1	60.4	59.9	60.4	60.4
Tỷ lệ hỗn hợp (%)	98.2	95.6	94.4	95.0	95.0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn